TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **172**/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: bà Phạm Thị O, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 146 T, phường T, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 146 T, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị O và ông Nguyễn Hữu K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Phạm Thị O và ông Nguyễn Hữu K có 03 con chung là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2000, Nguyễn Phạm Việt D, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Hữu K1 sinh ngày 05 tháng 12 năm 2010.

Hiện nay, Nguyễn Hữu N, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2000 và Nguyễn Phạm Việt D, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2007 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên bà Phạm Thị O và ông Nguyễn Hữu K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Hữu K1 sinh ngày 05 tháng 12 năm 2010 cho ông Nguyễn Hữu K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi, trưởng thành. Ông Nguyễn Hữu K không yêu cầu bà Phạm Thị O cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con

chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng),* nguyên đơn bà Phạm Thị O tự nguyện nhận chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002095 ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị O số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án + án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Liên